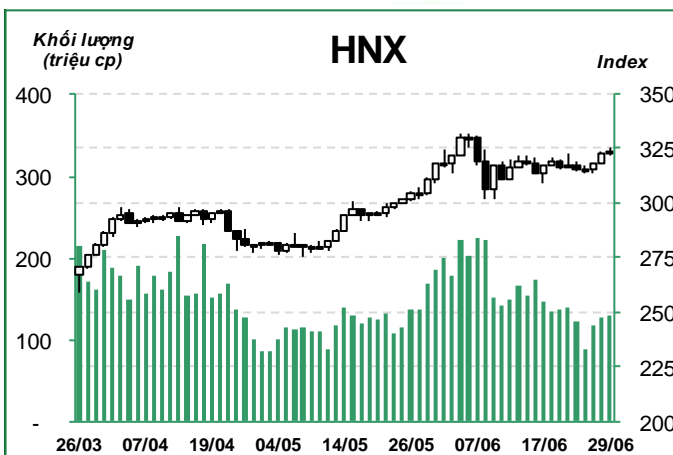
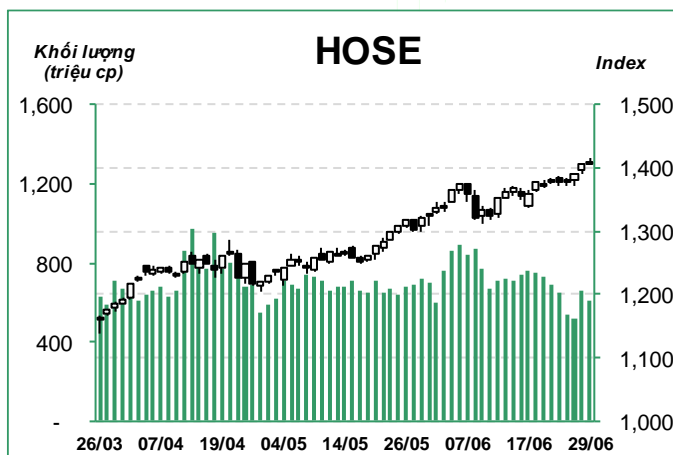


Tổng quan thị trường

29/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,410.04	0.30%	1,529.97	0.56%	323.79	0.21%
Cuối tuần trước	1,390.12	1.43%	1,500.30	1.98%	318.22	1.75%
Trung bình 20 ngày	1,366.20	3.21%	1,485.23	3.01%	316.82	2.20%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	647.39	-7.45%	208.51	-10.83%	132.86	1.81%
KLGĐ khớp lệnh	609.60	-6.88%	203.55	-5.46%	128.68	0.52%
Trung bình 20 ngày	701.51	-13.10%	243.73	-16.49%	148.51	-13.35%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,324.78	-8.05%	11,229.28	-9.36%	3,235.85	5.55%
GTGD khớp lệnh	19,422.30	-9.87%	10,864.10	-5.70%	3,132.98	5.65%
Trung bình 20 ngày	21,812.98	-10.96%	12,455.39	-12.78%	3,510.53	-10.75%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	153	35%	15	50%	95	26%
Số mã giảm	244	55%	13	43%	127	35%
Số mã đứng giá	46	10%	2	7%	144	39%



Mạch tăng của thị trường chứng khoán được nối dài trong phiên ngày thứ 3 khi các nhà đầu tư phản ứng tích cực với số liệu tăng trưởng kinh tế quý 2 vừa được công bố bởi Tổng cục Thống kê. Tuy nhiên, trước những áp lực chốt lời mạnh tại vùng đỉnh lịch sử, thị trường dần hạ nhiệt trong phiên chiều và chốt phiên với tình trạng “xanh vỏ đỏ lòng” của các chỉ số chính.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index tăng hơn 4 điểm và đóng cửa tại mức 1,410.04 điểm (+0.30%). Thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước với KLGĐ khớp lệnh đạt 609.6 triệu cổ phiếu (-6.9%), tương đương 19,422 tỷ đồng giá trị (-9.9%). Mặc dù sắc xanh của VN-Index được ghi nhận trong cả phiên giao dịch, độ rộng thị trường lại không cho thấy sự tích cực khi số mã giảm chiếm ưu thế với 244 mã giảm/153 mã tăng.

Các cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến phân hóa khá mạnh. Ở chiều tăng điểm là đóng góp của những cái tên như Vinhomes-VHM (+2.6%), Vietcombank-VCB (+1.2%), Vinamilk-VNM (+2.0%), FPT-FPT (+3.4%) hay Vietjet Air-VJC (+3.7%). Trong khi đó, áp lực điều chỉnh thuộc về các cổ phiếu như PV Gas-GAS (-2.1%), Hòa Phát-HPG (-1.1%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.7%) hay Petrolimex-PLX (-2.1%). Ở nhóm midcap và penny, lực bán có phần áp đảo hơn. Riêng chỉ có thủy sản là nhóm ngành hiếm hoi còn hút tiền tốt với các cổ phiếu nổi bật như Thủy sản Nam Việt-ANV (+6.8%), Thủy sản Vĩnh Hoàn-VHC (+1.0%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trở lại trên sàn HoSE trong phiên hôm nay với giá trị 43.4 tỷ đồng. Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu lớn như Vinhomes-VHM (+165.2 tỷ), Vinamilk-VNM (+94.0 tỷ) và Vietcombank-VCB (+92.4 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều bởi khối ngoại là VPBank-

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
LPB	10,028.0	281.31
E1VFN30	3,800.0	97.33
FPT	674.1	61.75
VCB	500.0	56.82
NKG	1,500.0	52.03
MWG	300.0	46.68
CTG	768.5	39.47
SHI	1,364.9	35.21
AGG	700.0	34.06
TCB	635.0	33.18
HNX		
PAN	1,400.0	39.90
NSC	300.0	25.80
TPP	1,140.0	13.11
NVB	344.0	6.71
SHS	79.0	3.16
HUT	350.0	2.63
GKM	157.0	2.23
PVS	60.0	2.01
SPI	110.0	1.98
SHB	70.1	1.77

VPB (-297.5 tỷ), Vietinbank-CTG (-120.2 tỷ), Vingroup-VIC (-40.2 tỷ).

Trên sàn HNX, đà tăng của HNX-Index bị thu hẹp đáng kể vào cuối phiên khiến chỉ số chỉ còn tăng nhẹ, đạt mức 323.79 điểm (+0.21%). KLGD khớp lệnh đạt 128.7 triệu cổ phiếu (+0.5%), tương đương 3,133.0 tỷ đồng giá trị (+5.6%).

Nhóm ngân hàng là động lực chính kéo chỉ số đi lên với sự tích cực của bộ ba Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+1.8%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (+1.1%) và Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+1.0%). Ở nhóm vốn hóa nhỏ hơn, ngành than đồng loạt với các cổ phiếu tăng trần cùng khối lượng tăng cao như Than Núi Béo-NBC (+9.4%), Than Vàng Danh-TVD (+9.6%), Than Đèo Nai-TDN (+10.0%). Ở chiều ngược lại, áp lực bán gia tăng trong phiên ở nhiều cổ phiếu trụ như Dầu khí PTSC-PVS (-2.3%), Nhựa Tiền Phong-NTP (-2.5%), Idico-IDC (-1.1%) đã kìm hãm đà tăng của chỉ số. Bên cạnh đó, HNX-Index cũng hạ nhiệt khi một số cổ phiếu nhóm chứng khoán như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-0.7%), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.3%), Chứng khoán MB-MBS (-0.3%) không thể giữ được sắc xanh như trong phiên sáng.

Về giao dịch của khối ngoại thì khối này bán ròng 12.5 tỷ đồng trên sàn HNX. Trong đó, dòng vốn ngoại rút khỏi các cổ phiếu như Chứng khoán VNDIRECT-VND (-8.4 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-3.9 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-0.7 tỷ). Trái lại, Bảo hiểm PVI-PVI (+1.7 tỷ), Chứng khoán Artex-ART (+0.8 tỷ), Vinam Group-CVN (+0.5 tỷ) là những cổ phiếu được gom mua bởi khối ngoại.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch suy giảm và ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền có phần thận trọng trở lại sau chuỗi tăng điểm. Không những vậy, trên đồ thị ngày, một nền thân hẹp với bóng nền phía trên cho thấy áp lực chốt lời đã xuất hiện, cùng với RSI ở trên vùng 71 cho thấy chỉ số đang đi vào vùng quá mua và có thể cần một vài phiên điều chỉnh rung lắc về kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh 1,400 điểm. Tuy nhiên, chỉ số đóng cửa trên MA5, cùng chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy chỉ số đang trong xu hướng tăng và cơ hội hướng lên thử thách vùng kháng cự tâm lý 1,500 điểm vẫn hiện hữu. Do đó, nếu chỉ số có xuất hiện một nhịp rung lắc thì có thể chỉ mang tính củng cố xu hướng trước khi tiến lên chinh phục các mục tiêu cao hơn. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn và chỉ số có thể hướng lên thử thách ngưỡng đỉnh cũ 330 điểm. Nhìn chung, xu hướng tăng của thị trường đang tiếp diễn. Do đó, các phiên rung lắc kỹ thuật là cơ hội cho nhà đầu tư tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HID	6.4	1,423.2	7.0%
HOT	37.5	1.6	7.0%
TTE	9.3	0.3	7.0%
TGG	9.0	51.4	7.0%
FTM	3.5	640.3	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
MCP	22.2	1.3	-6.9%
VOS	8.0	1,320.8	-6.9%
BTT	50.4	0.1	-6.7%
VTO	10.6	1,613.9	-6.6%
VIP	9.1	1,473.0	-6.5%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
STB	31.0	1,133.0	2.5%
VPB	67.3	1,067.3	-1.0%
CTG	53.9	1,050.7	-0.9%
HPG	51.8	1,037.5	-1.1%
TCB	53.4	892.2	-0.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	31.0	36,437.6	2.5%
TTF	8.0	27,598.3	-2.8%
FLC	13.7	22,681.8	-0.4%
AAA	20.5	21,458.9	3.8%
HPG	51.8	19,889.3	-1.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CTC	4.4	509.1	10.0%
TTZ	3.3	381.8	10.0%
CAN	38.5	0.1	10.0%
TDN	11.0	507.8	10.0%
HVT	35.3	0.1	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SDU	8.1	0.1	-10.0%
SIC	17.6	0.7	-9.7%
VE3	8.5	8.0	-9.6%
MCC	12.4	0.1	-9.5%
PCG	8.6	43.4	-9.5%

Top 5 giá trị

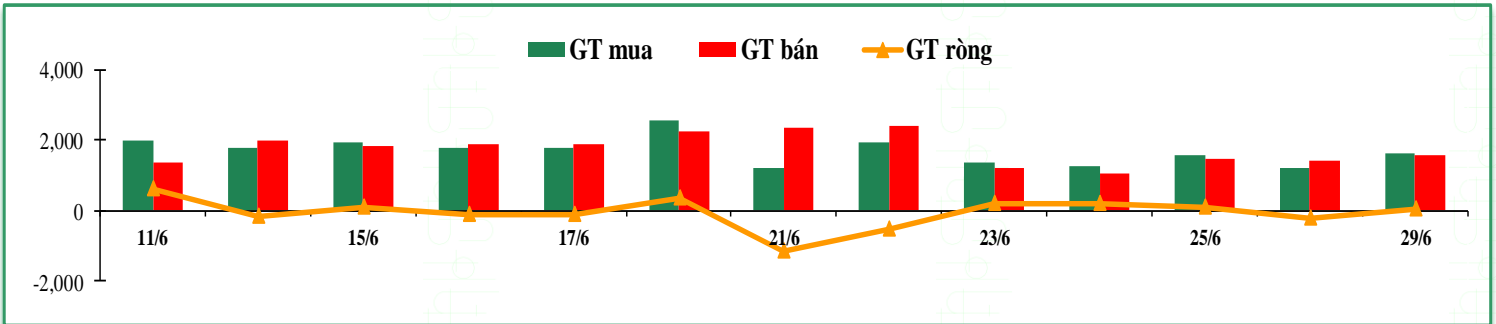
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	28.5	1,009.1	1.8%
PVS	29.8	383.2	-2.3%
SHS	44.0	313.9	0.5%
VND	45.2	279.4	-0.7%
NVB	19.5	221.3	1.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	28.5	35,495.6	1.8%
PVS	29.8	12,841.9	-2.3%
NVB	19.5	11,373.2	1.0%
SHS	44.0	7,115.2	0.5%
VND	45.2	6,120.6	-0.7%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,601.7	7.5%	1,558.3	7.3%	43.4
HNX	8.6	0.3%	21.1	0.7%	-12.5
Tổng số	1,610.3		1,579.4		30.9



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	118.5	228.4	2.6%
HPG	51.8	170.7	-1.1%
VCB	113.9	164.3	1.2%
E1VFN30	25.8	115.9	0.8%
VNM	91.0	103.3	2.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	67.3	297.5	-1.0%
CTG	53.9	150.7	-0.9%
HPG	51.8	115.6	-1.1%
E1VFN30	25.8	105.1	0.8%
MBB	43.4	85.6	0.6%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	118.5	165.2	2.6%
VNM	91.0	94.0	2.0%
VCB	113.9	92.4	1.2%
STB	31.0	65.1	2.5%
HPG	51.8	55.1	-1.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	42.5	1.7	1.2%
PAN	27.9	1.3	-1.4%
VND	45.2	0.9	-0.7%
ART	10.2	0.8	-1.9%
CVN	9.2	0.5	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	45.2	9.2	-0.7%
PAN	27.9	5.2	-1.4%
SHB	28.5	0.9	1.8%
TVB	15.4	0.9	-0.6%
BVS	30.7	0.8	-1.3%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVI	42.5	1.7	1.2%
ART	10.2	0.8	-1.9%
CVN	9.2	0.5	0.0%
TC6	7.0	0.4	9.4%
DST	4.5	0.2	0.0%

Tin trong nước

Quỹ ETF CUBS bắt đầu giải ngân vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Theo dữ liệu từ Bloomberg, quỹ Asian Growth Cubs ETF (CUBS) đã giải ngân phiên đầu tiên vào TTCK Việt Nam với giá trị 1,77 triệu USD (khoảng 41 tỷ đồng).

Chứng chỉ quỹ ETF FUEVFNVD (DCVFMVN Diamond) có tỷ trọng lớn nhất danh mục với 11,89%, các cổ phiếu Việt Nam tiếp theo đến VCI của Chứng khoán Bản Việt, SAB của Sabeco, KDH của Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền...

Trước đó, Dawn Global đã công bố ra mắt quỹ CUBS, được niêm yết trên Sàn chứng khoán NewYork (NYSE). CUBS là quỹ ETF chuyên đầu tư vào cổ phiếu tại các thị trường mới nổi và cận biên.

Danh mục đầu tư của CUBS hiện có 43 cổ phiếu nhưng có thể tăng lên con số 80, sẽ được đánh giá định kỳ hàng quý và tái cân bằng 2 lần mỗi năm, thông qua tỷ trọng đồng đều giữa các loại cổ phiếu để giảm thiểu rủi ro của một quốc gia và một công ty. Danh mục đầu tư sẽ hướng tới các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, công nghệ truyền thông, viễn thông, hàng tiêu dùng và tài chính.

GDP quý II được công bố tăng 6,61%

Theo kết quả tình hình kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm được Tổng cục Thống kê công bố sáng nay (29/6), tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn nền kinh tế quý II ước đạt 6,61% và GDP 6 tháng đầu năm tăng 5,64%, dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế 6 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng hơn 3,8% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp gần 8,2% vào mức tăng trưởng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng gần 8,4%, đóng góp gần 60% vào mức tăng trưởng chung, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò động lực dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng hơn 11%. Khu vực dịch vụ tăng gần 4%, đóng góp gần 33% vào mức tăng chung, trong đó các ngành dịch vụ thị trường như bán buôn và bán lẻ tăng hơn 5,6%, hoạt động tài chính, ngân hàng bảo hiểm tăng hơn 9,3%.

CPI 6 tháng tăng gần 1,5%, thấp nhất kể từ 2016

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng và quý II vừa được Tổng cục Thống kê (GSO) công bố cho thấy giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng theo giá thế giới và giá điện, nước sinh hoạt tăng theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính khiến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng gần 0,2% so với tháng trước, tăng hơn 1,6% so với tháng 12/2020 và tăng hơn 2,4% so với tháng 6 năm ngoái. Bình quân 6 tháng, CPI tăng gần 1,5% so với bình quân năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ 2016.

CPI bình quân 6 tháng đầu năm nay tăng so với bình quân năm trước chủ yếu là do giá xăng, giá gas và giá dịch vụ giáo dục, cũng như giá gạo đều tăng.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hợp ĐHCĐ Vietjet: Bỏ ngỏ kế hoạch lợi nhuận, nhà đầu tư Hàn Quốc, Hong Kong quan tâm đến đợt chào bán riêng lẻ

Sáng nay, CTCP Hàng không Vietjet (HoSE:VJC) tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Đại hội đã thông qua kế hoạch tăng vốn bằng việc chào bán tối đa 15% vốn điều lệ. Mục đích tăng quy mô vốn để đầu tư, góp vốn vào các công ty con, bổ sung vốn lưu động, đầu tư mở rộng kinh doanh dịch vụ hàng không, đầu tư tài chính...

Cổ đông Vietjet cũng thông kế hoạch chào bán 10 triệu cổ phiếu ESOP cho người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Số tiền dự kiến 100 tỷ đồng bổ sung cho vốn hoạt động kinh doanh.

Năm 2021, Vietjet dự kiến doanh thu hợp nhất 21.900 tỷ đồng, tăng 20% so nhờ doanh thu vận tải hàng hoá nhưng chỉ tiêu lợi nhuận bỏ ngỏ. Kế hoạch này giảm so với mức 32.000 tỷ đồng doanh thu và 1.000 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế đưa ra trước khi Việt Nam đón làn sóng bùng dịch thứ 4 từ tháng 5. Quý I, khoản thu nhập tài chính đạt 1.300 tỷ đồng, đến từ đầu tư tài chính, giấy tờ có giá an toàn có tỷ suất lợi nhuận tốt.

Năm 2020, Vietjet ghi nhận doanh thu hợp nhất đạt 18.220 tỷ đồng, lỗ công ty mẹ đạt 1.453 tỷ đồng nhưng nhờ doanh thu tài chính nhờ tái cơ cấu danh mục đầu tư giúp lợi nhuận hợp nhất dương, đạt gần 70 tỷ đồng.

ĐHCĐ Vietjet năm 2020 đã thông qua việc chia cổ tức 50% bằng cổ phiếu. Trong đó, đã thực hiện đợt 1 chia cổ tức tỷ lệ 25% bằng cổ phiếu và bán cổ phiếu quỹ. Đợt cổ tức thứ hai 25% còn lại uỷ quyền cho HĐQT thực hiện dựa theo tình hình hoạt động và điều kiện thị trường. Vốn điều lệ sau khi chia dự kiến tăng lên 6.677 tỷ đồng.

Pomina muốn chào bán 70 triệu cổ phiếu, lên kế hoạch lãi đợt biên cho 2021

Theo Nghị quyết hợp ĐHCĐ thường niên 2021, cổ đông Thép Pomina (HoSE: POM) đã thông qua phương án phát hành tối đa 70 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021 hoặc 2022. Vốn điều lệ sẽ tăng từ 2.797 tỷ đồng lên 3.497 tỷ đồng.

Năm 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu thuần 12.000 tỷ đồng, tăng 22%; lãi sau thuế 600 tỷ đồng, gấp 38 lần so với thực hiện năm 2020. Pomina không chia cổ tức 2020 và lên kế hoạch 10% cho năm 2021.

Vào tháng 2, doanh nghiệp đã hoàn thành và đưa vào sản xuất dự án lò cao tại nhà máy Pomina 3.

Quý I, doanh nghiệp ghi nhận 2.699 tỷ đồng doanh thu, tăng nhẹ 8% so với cùng kỳ năm trước; lãi sau thuế 75 tỷ đồng, cải thiện so với con số lỗ 56 tỷ đồng quý I/2020.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CNG	Mua	30/05/21	24.2	24.2	0.0%	26.5	9.5%	23.5	-2.9%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	GAS	Quan sát mua	30/06/21	93	100-103 110-115	Khả năng chỉ đang trong nhịp điều chỉnh về retest đỉnh quanh 92 + vol thấp khá tốt -> cơ hội sớm tăng trở lại
2	QTP	Quan sát mua	30/06/21	13.9	15.4-15.8	Nhịp điều chỉnh về retest vùng hỗ trợ 13.5-13.7 khá tốt với vol giảm dần -> có cơ hội quay lại nhịp tăng nếu vượt được 14.2
3	VRE	Quan sát mua	30/06/21	31.7	35.5-36 38	Tín hiệu tích lũy phía trên MA200 khá tốt với nền nhỏ dần và vol cạn kiệt, khả năng sắp tới điểm nổ -> một phiên tăng tốt kèm vol cao trở lại sẽ cho khả năng break trendline

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	60.7	49.9	21.6%	66	32.3%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	29.8	21.8	36.7%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	VRE	Mua	10/06/21	31.7	31.7	0.0%	36	14%	30	-5%	
4	KBC	Mua	15/06/21	39.8	35.4	12.4%	42	19%	33.3	-6%	
5	VCS	Mua	16/06/21	109.3	103.7	5.4%	122	18%	97.8	-6%	
6	POW	Mua	18/06/21	12.05	12.4	-2.8%	14.3	15%	11.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	VNM	Mua	21/06/21	91	92.1	-1.2%	101.5	10%	88.6	-4%	
8	CTG	Mua	23/06/21	53.9	51.9	3.9%	58.2	12%	49.4	-5%	
9	HPG	Mua	29/06/21	51.8	52.4	-1.1%	60	15%	49.8	-5%	
10	TLH	Mua	29/06/21	17.55	17.8	-1.4%	20.25	14%	16.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 29/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,370	5.8%	191%	25,520	6	88,600	4,712	342	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,480	-2.0%	248%	1,520	85	35,900	1,234	(2,246)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	8,150	-1.0%	676%	4,300	85	51,800	6,035	(2,115)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,500	-1.3%	347%	20,890	6	51,800	30,958	1,458	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,750	-1.8%	253%	3,830	7	51,800	13,955	205	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,300	-5.9%	453%	9,710	6	51,800	8,578	278	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,240	-0.8%	441%	5,460	41	51,800	13,996	(2,244)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	12,610	-5.8%	208%	3,180	59	51,800	10,012	(2,598)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,000	-2.9%	285%	5,570	44	51,800	2,233	(2,767)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,890	-3.0%	308%	14,160	44	51,800	2,217	(2,673)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,640	-0.3%	128%	8,060	48	37,500	3,533	(107)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,000	2.4%	200%	5,990	85	37,500	1,634	(1,366)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,230	0.0%	87%	7,070	45	37,500	5,169	(61)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	8,250	1.9%	416%	28,340	7	43,450	8,730	480	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,050	-6.2%	154%	22,990	44	43,450	907	(2,143)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,700	-1.1%	157%	2,420	85	108,500	485	(2,215)	KIS	MSN	100,000	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,310	-4.9%	131%	2,190	85	108,500	139	(2,171)	KIS	MSN	111,110	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	4,520	-8.7%	51%	5,210	45	108,500	3,455	(1,065)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2101	2,400	2,850	4.8%	19%	6,880	7	147,000	3,005	155	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	-0.8%	103%	4,230	34	147,000	5,448	(652)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,770	14.2%	-7%	32,080	6	147,000	1,855	85	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,760	-2.0%	182%	5,680	(99)	147,000	(101)	(6,861)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	3,500	-16.3%	19%	7,930	59	147,000	1,997	(1,503)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,680	-1.2%	468%	26,590	85	121,000	5,508	(172)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CNVL2102	1,100	3,860	-1.5%	251%	58,620	90	121,000	2,276	(1,584)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,550	2.0%	314%	53,960	59	95,900	1,512	(3,038)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,190	1.6%	372%	20,230	90	95,900	1,653	(3,537)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,080	3.5%	22%	5,200	7	98,600	2,160	80	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,600	0.0%	130%	9,470	34	98,600	3,906	(694)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,280	0.0%	-1%	19,670	7	57,700	2,430	150	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,280	-5.0%	107%	8,870	85	21,500	16	(2,264)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,330	0.6%	533%	4,880	85	31,000	4,555	(1,775)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,300	-1.2%	421%	10,780	41	31,000	6,522	(778)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,310	0.5%	158%	8,110	59	31,000	8,179	(2,131)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,440	-0.8%	482%	3,310	31	53,500	31,540	100	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,450	-0.9%	389%	3,010	98	53,500	22,678	(1,772)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,100	0.1%	252%	22,180	7	53,500	8,757	657	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,400	-2.1%	224%	11,830	41	53,500	9,043	(357)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,400	0.0%	270%	5,540	59	53,500	3,930	(3,470)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,300	-9.1%	-19%	23,740	48	21,900	21	(1,279)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,300	-7.3%	130%	4,540	85	21,900	60	(2,240)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,570	-10.3%	-43%	17,900	45	21,900	1	(1,569)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,150	-13.5%	-4%	58,960	44	21,900	(0)	(1,150)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,000	-4.5%	173%	6,070	85	118,600	782	(2,218)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,900	8.6%	53%	95,110	7	118,600	3,164	264	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,140	0.6%	96%	26,370	41	118,600	2,084	(1,056)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,950	-1.3%	97%	7,910	45	118,600	1,673	(1,277)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,450	3.6%	165%	7,110	44	118,600	194	(3,256)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,740	1.5%	174%	5,840	85	118,000	41	(2,699)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,290	0.0%	108%	13,480	90	118,000	0	(2,290)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,890	-3.1%	72%	15,560	85	91,000	0	(1,890)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	150	-16.7%	-91%	38,870	7	91,000	(0)	(150)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,260	-0.4%	53%	8,130	76	91,000	6	(2,254)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,750	-1.1%	59%	13,230	90	91,000	0	(1,750)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,200	-2.6%	636%	7,010	31	66,900	40,947	(253)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,490	-2.1%	400%	2,570	7	66,900	14,958	468	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,350	-3.2%	469%	8,910	41	66,900	15,244	(106)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,510	-0.1%	240%	5,890	59	66,900	6,023	(2,487)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	5,500	-5.0%	10%	12,620	31	31,700	4,250	(1,250)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,200	-2.7%	83%	2,500	85	31,700	59	(2,141)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2102	1,800	500	-7.4%	-72%	30,400	7	31,700	428	(72)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	1,250	-4.6%	-4%	32,480	41	31,700	101	(1,149)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	2,000	-16.7%	-33%	10,210	45	31,700	12	(1,988)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
TPB	(New)	HOSE	37,300	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New)	HOSE	61,600	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New)	HOSE	37,500	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	38,950	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	43,000	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA		HOSE	20,500	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	38,800	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,700	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	118,600	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	57,200	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	35,700	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
KBC		HOSE	39,800	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	57,700	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	34,500	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,450	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	37,100	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	39,800	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	79,400	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,300	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,500	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	123,400	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	98,600	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	147,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	169,600	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MSN		HOSE	108,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	91,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	90,500	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	40,200	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	121,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,400	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	114,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	36,450	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	53,500	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,050	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	59,300	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	64,900	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	88,600	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	75,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,200	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,500	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	93,000	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	62,500	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,300	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	59,200	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,650	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	45,500	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	70,600	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.